

GIỌNG ĐIỀU KHẨU NGỮ TRONG THƠ NÔM HỒ XUÂN HƯƠNG

SPOKEN STYLE IN HO XUAN HUONG'S NOM - WRITING POETRY

VŨ THỊ HUẾ
(Lâm Đồng)

Abstract

Spoken is common style of any language in people's everyday communication. It is considered as informal and so it's opposite to written style. It is seldom used in literary works where language is figurative, imaginative and creative. However, Ho Xuan Huong showed the opposite, the language in her Nom-writing poetry is very simple, rustic and bold style folk.

1. Hồ Xuân Hương là một nữ sĩ nổi bật trên thi đàn nhờ khả năng sáng tạo và vận dụng tài tình vốn ngôn ngữ dân gian. Trong những bài thơ Nôm của bà, lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân lao động nghèo, những câu tục ngữ thành ngữ hòa quyện với lời thơ như một thể thống nhất, không thể tách rời. Cái độc đáo của Hồ Xuân Hương nằm ở sự lệch chuẩn, phá bỏ những quy tắc thông thường, biến thơ Đường luật trang nghiêm trở thành những vần thơ đậm chất dân dã, đầy tính giễu cợt, thậm chí bà hầu như không dùng tới điển tích, điển cố Hán ngữ. Với thơ Xuân Hương, ngôn ngữ bình dân được tôn vinh, được là chính mình, không lòe loẹt, không giả đạo đức, tất cả đều rất thật, rất nhuyễn. Bà sử dụng ngôn ngữ thơ ca một cách linh hoạt, tài tình. Cả tính sáng tạo này được thể hiện rất rõ nét qua giọng điệu khẩu ngữ trong những sáng tác chữ Nôm.

2. Khẩu ngữ là ngôn ngữ nói thông thường, nó được dùng trong cuộc sống hằng ngày, có đặc điểm đối lập với phong cách viết. Đây là thứ ngôn ngữ bình dân, giản dị và dễ hiểu. Thường thì trong các tác phẩm văn học, người ta hạn chế sử dụng. Ngôn

ngữ văn chương là loại hình ngôn ngữ bóng bẩy, đầy hình ảnh và có sức gợi tả rất lớn. Đó là những từ đã được gọt giũa, lựa chọn kĩ càng, mang tính thẩm mỹ cao. Hồ Xuân Hương là người đi ngược với quy tắc dùng ngôn ngữ văn chương vào tác phẩm văn học. Ngôn ngữ trong thơ Nôm của bà bình dị, dân dã, mang đậm phong cách khẩu ngữ dân gian. Nhà thơ này thậm chí chẳng ngại ngùng khi quăng vào tác phẩm khá nhiều những tiếng chữ rửa, bụi móc, khinh rẻ, tục tĩu với một giọng điệu chua ngoa, đều giả chẳng kém chi dân chợ búa.

*“Chú lái kia ơi, biết chú rồi,
Qua sông rồi lại đâm ngay b...!
Chèo ghe vừa khỏi dòng khúc ngược,
Đâm c... đưa vào ngấn nước xuôi.
Mới biết lên bờ đã vỡ đít,
Nào khi giữa khúc đã co vùi.
Chuyến đò nên Nghĩ sao không nhớ?
Sang nữa hay là một chuyến thôi?”*

(Đưa đò)

Còn dám lên mặt dạy đời như một “chị cả” thực thụ khi phải chứng kiến cảnh những kẻ ngu văn dốt chữ lại thích khoe tài, làm bản nơi linh thiêng, thờ cúng.

“Ai về nhân nhủ phường lời tói

Muốn sống đem vui quét trả đền”.

(Tiền người làm thơ)

Khi chán chường, buồn bực, oán hờn, Hồ Xuân Hương cũng văng tục như thường

*“Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung”.*

(Lấy chồng chung)

Thấy những kẻ tu hành không nên nét, bà mỉa mai ngay bằng một câu chửi rất cay độc, còn chửi đúng giọng điệu của Phật môn.

*“Đầu sư há phải gì bà cốt
Bà nọ con ong bé cái nhâm”.*

(Trào tâng)

Trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, việc văng tục, chửi thề là một thứ không lạ. Nhất là đối với ngôn ngữ bình dân. Người ta không ca tụng chuyện này nhưng lại không thể bác bỏ được rằng nó cũng là một phần của văn hóa. Văn hóa là những giá trị tinh thần do con người tạo nên để phục vụ cho cuộc sống của mình. Bất kể xấu, đẹp nó vẫn mang cái tên văn hóa. Văn học thành văn bắt nguồn từ dân gian, sẽ không lạ khi nó đem vào thứ văn hóa này, nhưng thường thì người ta tránh nó, hạn chế một cách tối đa, nhất là đối với văn chương thời trung đại. Bởi thơ là những trang viết thanh tao, trang nhã, những ngôn từ thô thiển ấy không có tư cách bước lên văn đàn. Vậy mà Hồ Xuân Hương lại thân nhiên đưa nó vào, còn kết hợp với giọng điệu mỉa mai, giễu cợt để tăng thêm tính phản ánh của sự vật, sự việc. Ngôn từ dân gian có cơ hội để bộc lộ bản chất, đồng thời là một đòn đánh rất mạnh, rất đau đối với những kẻ bị nữ sĩ nhắm tới.

“Cái kiếp tu hành nặng đá đeo

Vị gì một chút tẻo tèo tèo

Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc

Trái gió cho nên phải lộn lèo”.

(Sư hoạnh dâm)

“Rúc rích thầy cha con chuột nhất

Vơ ve mặc mẹ cái ong bầu”. (Vô âm nữ)

Với thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, ngôn từ giao tiếp hàng ngày của người dân được sử dụng một cách đặc địa. Nó khiến cho thơ

bà trở nên gần gũi, dễ hiểu, dễ thuộc với phần đông người đọc.

“Kén chọn làm chi thế ỏi anh

Lấy ai khuyh quốc lại khuyh thành”.

(Thị Đều thi)

“Sự này căn cứ bởi vì đâu?

Cái cẳng sao mà bỗng đánh nhau.”

(Vịnh ông cẳng đánh nhau)

“Tuy không thả lá trôi dòng ngư,

Chim tới vườn đào thế mới xinh”.

(Duyên kì ngộ)

Bằng cách nói bình dân của mình, Hồ Xuân Hương dễ dàng đi sâu vào cuộc sống, thể hiện một cách sắc nét những gì bà đã thấy, đã gặp. Ngôn từ khẩu ngữ dân dã cho phép nhà thơ tới gần với bình dân, hòa mình với cuộc sống của họ đồng thời bộc lộ cái nhìn cũng như quan điểm, suy ngẫm của bản thân trước cảnh vật, sự tình một cách tự nhiên nhất, dễ hiểu nhất. Qua thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, bằng những từ ngữ thường dùng hàng ngày, cuộc sống hiện lên rất thực, sắc và đậm.

“Hỡi chị em ơi có biết không

Một bên con khóc một bên chồng.

Bố cu lồm ngồm bò trên bụng,

Thằng bé hu hơ khóc dưới hông.

Tất cả những là thu với vén

Vội vàng nào những bóng cùng bông.

Chồng con cái nợ là như thế,

Hỡi chị em ơi có biết không?”

(Thân phận người đàn bà)

Phải công nhận rằng, kết hợp giữa giọng điệu đùa bỡn và cách nói dân gian chính là thứ làm nên cái lạ, cái hay, cái độc đáo trong thơ của nữ sĩ. Với tổ hợp này, cá tính của Hồ Xuân Hương hiện lên thật rõ trên trang viết. Một con người cao ngạo, kiêu căng, tự phụ với cái cười bỡn cợt, thậm chí còn dám bỡm cợt cả với tạo hóa, ông trời. Dưới con mắt của nữ sĩ, mọi vật giống như một trò đùa và bà nhìn nó với con mắt của kẻ bề trên. Bà chế giễu, vui đùa, nhưng cũng vẫn dành cho nó một chút cảm thông của kẻ đã thấu hiểu hết mọi sự.

“Đá kia còn biết xuân già giã
 Chả trách người ta lúc trẻ trung”.

(Đá ông bà chồng)

“Lâm tuyền quyến cả phồn hoa lại
 Rõ khéo trời già đến dờ dom”.

(Chùa Hương Tích)

“Khen ai đẽo đá tài xuyên tạc
 Khéo hớ hênh ra lăm kẻ dòm”.

(Hang Cắc Cớ)

Trong thơ Hồ Xuân Hương đầy rẫy những ngôn từ dân dã khác như: *Chi chi chuyện ấy, quấy quả chi nhau, ghét mặt, ngứa gan, ai mà chẳng, vị gì, xấu máu, bom, hơi gân tí, chút đỉnh đỉnh, ...*

Nhờ vào giọng điệu khẩu ngữ mà thơ Hồ Xuân Hương trở nên rất sống động, linh hoạt và uyển chuyển. Nó thể hiện một tài hoa quả thực là xuất chúng. Một phong cách thơ khác lạ giữa thi đàn. Ngôn từ trong thơ bà biến đổi một cách kì ảo, nó làm nên những lệch chuẩn rất độc đáo. Những thứ tưởng chừng như rất trang nghiêm, chuẩn mực, bước vào thơ Xuân Hương chợt rớt mặt nạ đạo mạo để trở về với đời thường, hòa mình cùng cuộc sống nguyên thủy của nó. Vẫn là “cõi Phật”, “bầu Tiên”, nhưng lại trở thành trần tục đến không ngờ.

“Người quen cõi Phật chen chân xọc
 Kẻ lạ bầu Tiên mới mắt dòm”.

(Chùa Hương Tích)

Và còn rất nhiều những hình ảnh khác nữa như: hoa, nguyệt, miêng trầu, quả cau, động Hương Tích, Lạch Đào Nguyên... Vốn dĩ chúng có cái nghĩa ẩn dụ đã được mặc định trên văn bản văn chương. Vậy mà khi bước vào thơ Hồ Xuân Hương, chúng đột ngột đổi nghĩa, trở thành vật để ẩn dụ cho cái mà chẳng ai dám đem bày lên trang thơ. Chính sự lệch chuẩn độc đáo này đã làm nên tính hai mặt, nghĩa đôi lớp lừng rất quen thuộc trong các tác phẩm của “bà Chúa thơ Nôm”. Đọc thơ bà, người ta không thể nào không liên tưởng đến cái nghĩa thứ hai lập lờ trên câu chữ, thậm chí còn quên mất luôn cái hình ảnh thật sự trên trang viết để liên tưởng

về những thứ khác. Đó chính là lí do tạo nên tính “thanh mà tục” trong thơ của nữ sĩ họ Hồ này. Cái xô lệch, không ăn khớp nhau giữa hình ảnh và nghĩa biểu tượng vốn có chính là đặc điểm nổi bật trong phong cách thơ Nôm của Xuân Hương. Nó làm nên một Hồ Xuân Hương đặc biệt, độc lập, đầy ấn tượng. Và chính nó cũng thể hiện được cái tài hoa sử dụng ngôn từ có một không hai của nữ sĩ.

Hồ Xuân Hương cũng là người rất giỏi sử dụng những thành ngữ, tục ngữ dân gian trong sáng tác. Bằng khả năng vận dụng lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân một cách nhuần nhuyễn trong các tác phẩm, Hồ Xuân Hương đã khiến cho thơ Đường luật phải rời chiếu quý tộc trang nhã, nghiêm chỉnh mà về ngòi giữa nhân gian, thể tục, thường tình.

Giữa thơ Nôm của Hồ Xuân Hương và tục ngữ, thành ngữ dân gian mà bà sử dụng trong thơ có một sự hòa hợp bất ngờ. Nó là sự kết hợp nhuần nhuyễn, hầu như không có khe hở nào. Giống như một chỉnh thể thống nhất vậy. Trong thơ Xuân Hương có chất liệu ngôn từ dân gian, chất liệu ấy thấm nhuần và đồng hóa vào trong sáng tác của bà. Hoàn hảo tới mức khi ta đọc lên, giọng điệu của nó cũng hết như giọng điệu của ca dao, tục ngữ dân gian vậy.

“Xấu máu thời khem miếng đỉnh chung”.

(Đỗ người đàn bà khóc chồng)

- “Xấu máu đừng thềm ăn của lạ.”

(Tục ngữ)

“Tắt đèn nhà ngói băng nhà gianh”.

(Thị Đều thi)

- “Tắt đèn nhà ngói như nhà tranh”.

(Tục ngữ)

“Chú lái kia ơi, biết chú rồi,

Qua sông rồi lại đắm ngay b...!”

(Đưa đò)

- “Chứa qua sông đã đắm b... vào sông”.

(Tục ngữ)

“Đừng xanh như lá, bạc như vôi”

- (Mời trầu)
 - “Xanh như lá, bạc như vôi”. (Tục ngữ)
 “Đố ai biết đố vông hay tróc,
 Còn kẻ nào hay cuống với đầu”.
- (Vô âm nữ)
 - “Ngồi lá vông, chống mông lá tróc.”
 - “Đầu trở xuống, cuống trở lên”.
- (Tục ngữ)
 “Ròng tấm ao tù từng phận tử”.
- (Thương ôi phận gái)
 - “Ròng vàng tấm nước ao tù”.
- (Thành ngữ)
 “Bán lợi mua danh nào những kẻ”.
- (Chợ Trời)
 - “Mua danh bán lợi”. (Thành ngữ)
 “Mỗi gói chồn chân vẫn muốn trèo”
- (Đèo Ba Dội)
 - “Mỗi gói chồn chân”. (Thành ngữ)
 “Bảy nổi ba chìm với nước non”
- (Bánh trôi nước)
 - “Ba chìm, bảy nổi”. (Thành ngữ)
 “Năm thì mười họa hay chẳng chớ
 Một tháng đôi lần có cũng không
 Cỏ đám ăn xôi xôi lại hỏng
 Cầm bằng làm muốn muốn không công”.
- (Lấy chồng chung)
 - “Năm thì mười họa.”
 - “Cỏ đám ăn xôi”.
- (Thành ngữ)
 - “Làm muốn không công”. (Thành ngữ)
 “Ấy ai thăm ván cam lòng vậy”.
- (Vịnh chiếc bánh)
 - “Thăm ván bán thuyền”. (Thành ngữ)
 “Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé
 Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi”.
- (Khóc Tổng Cóc)
 - “Nòng nọc đứt đuôi.”
 - “Gọt gáy bôi vôi”. (Thành ngữ)
 “Bụng làm dạ chịu trách chi ai,
 Già kén kẹn hom ví chẳng sai.
 Tiếc đĩa hồng ngâm cho chuột vọc,
 Thừa mâm bánh ngọt để ngâu vầy.
 Miệng khôn tròn đại đừng than phận,

Bụng ông lưng eo chó trách trời!

*Đừng đứng núi này trông núi nọ,
 Đói lòng nên mới phải ăn khoai”.*

(Già kén kẹn hom)

“Bụng làm, dạ chịu.”

“Già kén, kẹn hom.”

“Miệng khôn, tròn đại.”

“Bụng ông, lưng eo.”

“Đứng núi này trông núi nọ”.

(Thành ngữ)

Với độ đậm đặc này, có thể khẳng định rằng thành ngữ, tục ngữ cũng là một chất liệu không thể thiếu trong ngôn ngữ thơ Nôm của Hồ Xuân Hương. So sánh giữa thành ngữ, tục ngữ dân gian và câu thơ của Hồ Xuân Hương, ta có thể thấy mức độ hiểu biết và khả năng vận dụng của tác giả đối với ngôn từ, giọng điệu dân gian hoàn hảo đến mức nào. Không có sự sai lệch. Tất cả đều rất chuẩn xác. Tuy hai mà một, sự hòa quyện đã đạt được tới cấp độ cao nhất. Nó là sự hòa tan, quyện xe vào nhau, không thể tách rời. Nó giải thích cho lí do vì sao thơ Hồ Xuân Hương lại có thể tồn tại bất chấp thời gian và sự khắc nghiệt của xã hội phong kiến. Đồng thời chính nó cũng khiến cho việc phân biệt đâu là thơ của Hồ Xuân Hương trong những lưu truyền của dân gian trở nên khó khăn hơn. Có vẻ như Xuân Hương đã dùng tiếng nói, dùng giọng điệu, dùng ngôn từ của dân gian mà viết nên thơ vậy.

3. Giọng điệu khẩu ngữ, từ nhiều góc độ phân tích, cho ta thấy là giọng điệu chủ đạo trong thơ Hồ Xuân Hương. Đây là nét làm nên tính chất độc tôn của phong cách "Bà Chúa thơ Nôm" (Xuân Diệu). Nó hoàn chinh, nhuần nhuyễn, mạnh mẽ,...đến mức có người hoài nghi rằng, có lẽ có những bài không hẳn là của Bà. Trong lịch sử văn học Việt Nam đã có một vài trường hợp như vậy.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 04-12-2012)